

Số: 274/TTr-SNN

Quảng Trị, ngày 21 tháng 8 năm 2020

TỜ TRÌNH

**Về việc thẩm định và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung
Dự án đầu tư và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Dự án thành phần: Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) tỉnh Quảng Trị
Dự án cải thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ (WB7).**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/05/2020 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn Nhà thầu;

Căn cứ Hiệp định tài trợ khoản vay số 5352-VN ngày 24/04/2014 giữa Nước CHXHCN Việt Nam và Hiệp hội Phát triển Quốc tế (IDA);

Căn cứ Quyết định số 2409/QĐ-BNN-HTQT ngày 18/10/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt Dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi) dự án “Cải thiện nông nghiệp có tưới” do WB tài trợ;

Căn cứ Quyết định số 1155/QĐ-BNN-XD ngày 26/05/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt Dự án đầu tư Dự án thành phần: Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) tỉnh Quảng Trị thuộc dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ (WB7);

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-BNN-XD ngày 25/02/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án thành phần: Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) tỉnh Quảng Trị thuộc dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ (WB7);

Căn cứ Quyết định số 662/QĐ-BNN-XD ngày 27/02/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án thành phần: Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) tỉnh Quảng Trị thuộc dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ (WB7);

Căn cứ Quyết định số 2112/QĐ-BNN-XD ngày 10/6/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án

thành phần Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Thư chấp thuận danh mục các đề xuất vốn dự của Ngân hàng thế giới (WB) ngày 16/4/2020;

Căn cứ Công văn số 2913/BNN-XD ngày 28/4/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc chủ trương thực hiện các hạng mục vốn dự, Dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7);

Căn cứ Công văn số 1898/UBND-NN ngày 29/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về chủ trương thực hiện các hạng mục vốn dự Dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7);

Căn cứ các Công văn của Cục Quản lý Xây dựng Công trình: số 780/BC-XD-CD ngày 9/6/2020 về việc triển khai, thực hiện các hạng mục sử dụng vốn dự; số 1060/XD-TĐ ngày 29/7/2020 về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các hạng mục sử dụng vốn dự, dự án WB7;

Căn cứ Quyết định số 195/QĐ-SNN ngày 19/6/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Trị về việc phê duyệt đề cương, nhiệm vụ Tư vấn cập nhật dự án đầu tư; Khảo sát, lập thiết kế cơ sở và Khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công - dự toán các hạng mục bổ sung từ nguồn vốn kết dư và dự toán gói thầu số QT/HP2/CS21/PPMU/2020 dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 257/QĐ-SNN ngày 11/8/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số QT/HP2/CS21/PPMU/2020 dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Hồ sơ điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư Dự án thành phần cải thiện Nông nghiệp có tưới (WB7) tỉnh Quảng Trị do đơn vị tư vấn lập.

Để có cơ sở triển khai thực hiện, Sở Nông nghiệp và PTNT kính trình Bộ Nông nghiệp và PTNT xem xét thẩm định và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án thành phần: Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) tỉnh Quảng Trị thuộc Dự án cải thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ (WB7) với các nội dung chính như sau:

I. Khái quát các nội dung của dự án đã được phê duyệt:

1. Tên dự án: Cải thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ (WB7).

2. Dự án thành phần: Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) tỉnh Quảng Trị.

Gồm 04 Hợp phần:

- Hợp phần 1: Hỗ trợ cải thiện quản lý tưới;
- Hợp phần 2: Nâng cấp cơ sở hạ tầng hệ thống tưới;
- Hợp phần 3: Hỗ trợ thực hành nông nghiệp thông minh thích ứng BĐKH;
- Hợp phần 4: Quản lý dự án và giám sát, đánh giá.

3. Chủ dự án, chủ đầu tư:

- Ban Quản lý Trung ương các dự án Thủy lợi (Ban CPO).
- Ban CPO và Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Trị.

4. Nhiệm vụ của dự án:

- Nâng cấp, sửa chữa hệ thống thủy lợi La Ngà và Trúc Kinh - Hà Thượng, đảm bảo diện tích tưới tự chảy tăng lên, không còn diện tích không tưới được; cung cấp nước cho 6.050 ha lúa, màu và thủy sản (La Ngà: 2.450 ha; Trúc Kinh: 2.550 ha; Hà Thượng: 1.050 ha); tiêu úng cho 1.300 ha đất canh tác (La Ngà: 1.000 ha; Trúc Kinh: 300 ha); ngăn mặn cho 400 ha diện tưới La Ngà, nhằm phục vụ cho sản xuất nông nghiệp bền vững;

- Cải thiện thể chế, chính sách trong quản lý thủy lợi của tỉnh nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và cung cấp dịch vụ tưới tiêu;

- Chuyển đổi phương thức sản xuất nông nghiệp của tỉnh theo hướng thâm canh; chuyển đổi cơ cấu, đa dạng hóa cây trồng và thích ứng biến đổi khí hậu nhằm đảm bảo ổn định sản xuất nông nghiệp, tăng giá trị sản phẩm, tăng thu nhập của người nông dân;

- Nâng cao năng lực quản lý, thực hiện dự án, quản lý môi trường, xã hội trong quản lý thủy lợi và sản xuất nông nghiệp.

5. Địa điểm xây dựng: Các huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ và thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

6. Nội dung và quy mô đầu tư:

6.1. Hợp phần 1: Hỗ trợ cải thiện quản lý tưới:

6.1.1. Các hoạt động chính cấp tỉnh:

- Hỗ trợ tỉnh lập, thực hiện Kế hoạch hiện đại hóa tưới 5 năm và hàng năm;

- Hỗ trợ tỉnh xây dựng, hoàn thiện một số quy định, hướng dẫn tạo ra hành lang pháp lý thúc đẩy phát triển quản lý tưới có sự tham gia (PIM), như quy định, hướng dẫn thực hiện phân cấp quản lý, quy định về thủy lợi phí nội đồng, chương trình/kế hoạch phát triển PIM và hỗ trợ các địa phương triển khai thực hiện phân cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi;

6.1.2. Các hoạt động chính thuộc phạm vi Dự án:

- Hỗ trợ nâng cao năng lực cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý khai thác công trình thủy lợi (TNHH MTV QLKTCTTL) Quảng Trị, các tổ chức dùng nước thông qua đào tạo và tăng cường năng lực, thể chế; khuyến khích áp dụng phương thức cung cấp nước theo khối lượng, lập kế hoạch vận hành, bảo dưỡng và quản lý tài sản;

- Hỗ trợ xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý hệ thống, tài sản, khách hàng; hỗ trợ cho việc lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch và theo dõi, đánh giá việc thực hiện cũng như sự hài lòng của người hưởng lợi cho công ty TNHH MTV QLKTCTTL Quảng Trị;

- Hỗ trợ đầu tư và sử dụng hệ thống SCADA, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý hệ thống, tài sản, khách hàng, hỗ trợ cho việc lập kế hoạch, theo dõi đánh giá việc thực hiện cũng như sự hài lòng của người hưởng lợi cho Công ty TNHH MTV QLKTCTTL Quảng Trị;

- Thành lập, củng cố các tổ chức dùng nước (TCDN) có đầy đủ tư cách pháp nhân, phát triển các TCDN hoạt động phù hợp với cơ chế thị trường. Hỗ trợ các TCDN về trang thiết bị quản lý, vận hành, nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, vận hành và bảo dưỡng, quản lý tài chính, lập kế hoạch để phát huy vai trò, sự tham gia của cộng đồng trong quản lý hệ thống tưới tiêu; áp dụng công nghệ, kỹ thuật tưới tiết kiệm cho mô hình sản xuất nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu.

6.2. Hợp phần 2: Nâng cấp cơ sở hạ tầng hệ thống tưới:

Theo Quyết định số 1155/QĐ-BNN-XD ngày 26/5/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt dự án đầu tư Dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) tỉnh Quảng Trị.

6.3. Hợp phần 3: Hỗ trợ thực hành nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu:

Các hoạt động chính trong phạm vi hệ thống La Ngà và hệ thống Trúc Kinh – Hà Thượng:

6.3.1. Xây dựng mô hình thực hành nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu (CSA): Xây dựng 06 cánh đồng mẫu sản xuất và thâm canh lúa ở các huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ với tổng diện tích 114,4 ha; xây dựng 07 hệ thống CSA sản xuất đa dạng cây trồng cạn ở các huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ và thành phố Đông Hà với tổng diện tích 80,6 ha;

6.3.2. Phát triển/cải thiện các dịch vụ nông nghiệp: Tăng cường năng lực cung cấp các dịch vụ nông nghiệp nhằm thúc đẩy việc nhân rộng ứng dụng các thực hành CSA;

6.3.3. Hỗ trợ mở rộng ứng dụng các thực hành CSA và các hệ thống CSA: Hoạt động này dự kiến hỗ trợ mở rộng các mô hình trên diện tích 500 ha bao gồm các hoạt động: (i) Lập kế hoạch hỗ trợ nhân rộng các hệ thống và các thực hành CSA; (ii) Thực hiện hỗ trợ các hộ, nhóm hộ nhân rộng ứng dụng các thực hành CSA theo cơ chế, phương pháp và kế hoạch đã thống nhất.

6.4. Hợp phần 4: Quản lý dự án và giám sát, đánh giá:

- Mua sắm trang, thiết bị phục vụ quản lý dự án, bao gồm thiết bị văn phòng và xe ô tô;

- Các tư vấn hỗ trợ kỹ thuật, giám sát và đánh giá, kiểm toán độc lập và kiểm toán nội bộ, các tư vấn giám sát bên thứ ba;

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các khóa đào tạo tăng cường năng lực quản lý và thực hiện dự án.

Hợp phần sẽ dành một khoản kinh phí hỗ trợ gia tăng cho các cơ quan của Bộ và của tỉnh tham gia quản lý, thực hiện dự án.

7. Diện tích sử dụng đất: 62,6 ha.

8. Tổng mức đầu tư của dự án: 648.166.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm bốn mươi tám tỷ, một trăm sáu mươi sáu triệu đồng); Tương đương: **30.719.000 USD.**

9. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư:

- WB:	548.464.000.000	đồng;	Tương đương	25.994.000	USD
- Đối ứng TW:	74.888.000.000	đồng;	Tương đương	3.549.000	USD
- Đối ứng ĐP:	24.814.000.000	đồng;	Tương đương	1.176.000	USD
Tổng cộng	648.166.000.000	đồng;	Tương đương	30.719.000	USD

10. Thời gian thực hiện dự án: Từ năm 2014 đến 2020.

(Chi tiết tại Quyết định số 1155/QĐ-BNN-XD ngày 26/5/2014)

II. Tóm tắt tình hình triển khai thực hiện dự án cho đến nay:

1. Hợp Phần 1:

1.1. Các hoạt động chính cấp tỉnh:

* *Hoạt động 1:* Hỗ trợ, xây dựng dự thảo Quyết định số 2662/QĐ-UBND ngày 02/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị về kế hoạch hiện đại hóa tưới 5 năm;

* *Hoạt động 2:* Hỗ trợ, xây dựng dự thảo Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 02/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị về phân cấp quản lý tưới theo Quy định của Luật thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018; tổ chức thực hiện, đánh giá, thống kê các công trình cần phân cấp và dự thảo Quyết định số 3147/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Trị về ban hành quy định phân cấp quản lý tưới và đã tổ chức thực hiện hoàn thành công tác phân cấp quản lý theo Quyết định số 3147/QĐ-UBND trên toàn tỉnh.

1.2. Các hoạt động chính thuộc phạm vi dự án:

* *Hoạt động 3:*

- Hướng dẫn Công ty TNHH MTV QLKT công trình thủy lợi Quảng Trị xây dựng kế hoạch kinh doanh 5 năm và đã được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt tại Quyết định số 2663/QĐ-UBND ngày 02/10/2017.

- Hướng dẫn IMC lập kế hoạch vận hành, bảo dưỡng và quản lý tài sản; Phối hợp với Ban CPO tổ chức lớp đào tạo Quản lý và khai thác công trình thủy lợi nhỏ cho công nhân vận hành.

* *Hoạt động 4:* Hỗ trợ xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý hệ thống, tài sản, khách hàng; hỗ trợ cho việc lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch và theo dõi, đánh giá việc thực hiện cũng như sự hài lòng của người hưởng lợi cho Công ty TNHH MTV QLKT công trình thủy lợi Quảng Trị (Phạm vi công việc do Ban CPO thực hiện).

* *Hoạt động 5:* Cung cấp lắp đặt hệ thống SCADA cho cụm công trình đầu mối: hồ La Ngà, hồ Trúc Kinh, hồ Hà Thượng và đập dâng Sa Lung; lắp đặt hệ thống giám sát và màn hình hiển thị tại Công ty TNHH MTV QLKT công trình thủy lợi Quảng Trị.

* *Hoạt động 6:* Kế hoạch củng cố tổ chức dùng nước (TCDN) đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2661/QĐ-UBND ngày 02/10/2017; Đã

thành lập 01 TCDN (HTX Nhĩ Trung, xã Gio Thành) và củng cố 04 TCDN (gồm: HTX Thủy Ba Tây, xã Vĩnh Thủy; HTX Lâm Cao, xã Vĩnh Lâm; HTX Phước Thi, xã Gio Mỹ; HTX Vinh Quang Thượng, xã Gio Quang).

- Tổ chức mua sắm trang thiết bị cho 05 tổ chức dùng nước được thành lập và củng cố.

- Đầu tư xây dựng sửa chữa và xây mới văn phòng cho 05 tổ chức dùng nước được thành lập và củng cố với quy mô như sau:

- + Nâng cấp hội trường hợp tác xã DVNN Quang Thượng, huyện Gio Linh;
- + Xây mới 01 hội trường hợp tác xã DVNN Nhĩ Trung, huyện Gio Linh;
- + Nâng cấp hội trường hợp tác xã DVNN Phước Thi, huyện Gio Linh;
- + Xây mới 01 hội trường hợp tác xã DVNN Lâm Cao, huyện Vĩnh Linh;
- + Nâng cấp hội trường hợp tác xã DVNN Thủy Ba Tây, huyện Vĩnh Linh.

* Các hoạt động đề cập ở trên đến nay cơ bản đã hoàn thành, riêng đối với hạng mục xây dựng hệ thống SCADA: Đã ký hợp đồng tư vấn thiết kế hệ thống SCADA vào ngày 08/8/2019, Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Trị đã trình Tổng cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và PTNT thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật hệ thống SCADA tại Tờ trình số 66/TTr-SNN ngày 13/3/2020 và đã có văn bản giải trình Tổng cục về ý kiến thẩm định tại Văn bản số 1026/SNN-QLCT ngày 12/6/2020. Trên cơ sở ý kiến của Tổng cục Thủy lợi tại Văn bản số 1271/TCTL-QLCT ngày 13/7/2020 và để phục vụ cho công tác thẩm định, Sở Nông nghiệp và PTNT đã lựa chọn nhà thầu tư vấn thẩm định giá vật tư, thiết bị hệ thống SCADA (QĐ số 256/QĐ-SNN ngày 11/8/2020) và đang lựa chọn nhà thầu tư vấn thẩm tra hệ thống SCADA (dự kiến trong tháng 8/2020). Dự kiến hoàn thành công tác thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế hệ thống SCADA vào đầu tháng 9/2020 để làm cơ sở trên khai thực hiện các bước tiếp theo.

2. Hợp Phần 2:

2.1. Quy mô đầu tư các hạng mục công trình thuộc Hợp phần 2 dự án:

a. Tình hình thi công và bàn giao đưa vào khai thác sử dụng.

Hợp phần 2 của dự án gồm có 20 gói thầu xây lắp được triển khai:

- Hiện tại có 20/20 gói thầu xây lắp đã hoàn thành và đã bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng 19/20 gói thầu.

- Đối với gói thầu còn lại (gói thầu số hiệu QT/LN/W02/2015): Khoan phụt xử lý thấm đập chính hồ La Ngà. Sở Nông nghiệp và PTNT đã báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT, Cục Quản lý xây dựng công trình về việc còn tồn tại một số vấn đề (xuất hiện thấm ở hạ lưu đập chính, vai phải công lấy nước); xin chủ trương cho phép thực hiện công tác kiểm định, đánh giá thấm đập chính hồ La Ngà (đoạn từ K1+207 – K1+278) và đã có văn bản báo cáo Bộ, Cục về kết quả kiểm định thấm. Trên cơ sở ý kiến của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại văn bản số 5119/BNN-XD ngày 03/8/2020, ý kiến của Cục QLXDCT tại văn bản số 1055/BC-XD-TC ngày 29/7/2020 về việc xử lý thấm đập chính La Ngà, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức thẩm định và phê duyệt thiết kế BVTC và dự toán hạng mục công trình: Bổ sung khoan phụt chống thấm đập chính La Ngà đoạn từ

K1+205 – K1 + 265 (QĐ số 258/QĐ-SNN ngày 11/8/2020). Hiện tại, Sở Nông nghiệp và PTNT, Ban QLDA Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) tỉnh Quảng Trị đang làm việc, thương thảo với các đơn vị nhà thầu thi công, giám sát thi công thực hiện gói thầu QT/LN/W02/2015 (giai đoạn 1) để sớm triển khai thực hiện hạng mục bổ sung khoan phụt chống thấm nêu trên.

Cụ thể như sau:

* Hệ thống La Ngà:

- *Cụm đầu mối*: Nâng cấp đập chính dài 2.548 m và 02 đập phụ với tổng chiều dài 1.154 m; Xây dựng mới công lấy nước dưới đập để thay thế công cũ đã bị xuống cấp, hư hỏng; Xử lý hiện tượng rò rỉ nước của tràn xả lũ và Nâng cấp 04 tuyến đường thi công kết hợp quản lý dài 4,5 km.

- *Hệ thống kênh tưới*: Nâng cấp một số đoạn kênh chính với tổng chiều dài 479 m; kênh N1 và N2 với tổng chiều dài 5.139 m; 04 tuyến kênh cấp 2, tổng chiều dài 5.615 m; 69 tuyến kênh nội đồng và 04 tuyến kênh vượt cấp, tổng chiều dài 30.347,9 m. Sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới 05 xi phông và 591 công trình các loại (*cống tiêu, cống lấy nước, cầu qua kênh, cầu qua đường, tràn ra, công trình kiểm soát lưu lượng, cống điều tiết, tràn đỉnh dài*).

- *Hệ thống kênh tiêu*: Nạo vét kênh tiêu Vĩnh Sơn, dài 2.929 m; kênh tiêu 304 dài 3.069 m; Nâng cấp, sửa chữa cống Bến Tám và đường thi công kết hợp quản lý cống Bến Tám dài 717 m.

- Xây dựng hệ thống tưới tiêu nội đồng để phục vụ cho các mô hình nông nghiệp thích ứng biến đổi khí hậu, bao gồm:

+ Mô hình lúa thôn Lâm Cao, xã Vĩnh Thủy và thôn Thủy Ba Tây, xã Vĩnh Thủy;

+ Mô hình màu: Thôn Duy Viên, xã Vĩnh Lâm; Thôn Nam Sơn, xã Vĩnh Sơn và thôn Đức Xá, xã Vĩnh Thủy.

* Hệ thống Trúc Kinh - Hà Thượng:

Hệ thống trúc Kinh:

- *Cụm đầu mối*: Nâng cấp đập chính dài 3.797 m; 04 đập phụ dài 1.527 m; 04 tuyến đường quản lý, thi công dài 3.314 m; đầu tư mới hệ thống điện quản lý, vận hành đầu mối; sửa chữa nhà quản lý đầu mối; nâng cấp, sửa chữa 01 công lấy nước dưới đập chính và điện khí hóa thiết bị đóng mở cống lấy nước;

- *Hệ thống kênh tưới*:

+ Nâng cấp một số đoạn kênh chính với tổng chiều dài 4.204 m; 05 tuyến kênh cấp I với chiều dài 3.839m, 28 tuyến kênh cấp II với tổng chiều dài 8811m, 24 tuyến kênh cấp nội đồng và kênh vượt cấp với tổng chiều dài 9.861m; Nâng cấp 01 kênh Linh Hải bổ sung tưới cho hệ thống với chiều dài 2.590m

+ Xây dựng mới 01 nhà quản lý khu tưới; sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới 307 công trình trên kênh các loại (*cống tiêu, cống lấy nước, cầu qua kênh, cầu qua đường, cầu máng, công trình kiểm soát lưu lượng, cống điều tiết, tràn đỉnh dài...*).

- *Hệ thống tiêu*: Nạo vét trục tiêu Hối Sòng dài 2.270 m.

- Xây dựng hệ thống tưới tiêu nội đồng để phục vụ cho các mô hình nông nghiệp thích ứng biến đổi khí hậu, bao gồm:

+ Mô hình lúa thôn Vinh Quang Thượng, xã Gio Quang và thôn An Bình xã Cam Thanh;

+ Mô hình màu Thôn Phú Ngạn, xã Cam Thanh và Rau an toàn khu phố 3, phường Đông Thanh, thành phố Đông Hà.

Hệ thống Hà Thượng:

- Hệ thống kênh tưới: Nâng cấp 07 tuyến kênh cấp I với tổng chiều dài 4.247m, 32 tuyến kênh cấp II với tổng chiều dài 10.905m, 10 tuyến kênh trạm bơm với tổng chiều dài 5.823m; sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới công trình trên kênh các loại (cổng tiêu, cổng lấy nước, cầu qua kênh, cổng điều tiết, cửa lấy nước đầu kênh, tràn đỉnh dài...)

- Xây dựng hệ thống tưới tiêu nội đồng để phục vụ cho các mô hình nông nghiệp thích ứng biến đổi khí hậu, bao gồm:

+ Mô hình lúa thôn Phước Thị, xã Gio Mỹ và thôn Nhĩ Trung, xã Gio Thành.

+ Mô hình màu: Thôn Thủy Khê, xã Gio Mỹ và thôn Nhĩ Hạ, xã Gio Thành.

b. Tình hình điều chỉnh giá:

Toàn bộ Hợp phần 2 gồm có 20 gói thầu xây lắp, trong đó chỉ có 17 gói thầu thực hiện điều chỉnh giá. Hiện tại, 17 gói thầu đã có Quyết định phê duyệt điều chỉnh giá và đã hoàn thành hồ sơ nghiệm thu, giải ngân.

3. Hợp Phần 3:

a. Kế hoạch thực hiện tổng thể Hợp phần 3 (PCSA): Đã được phê duyệt tại Quyết định số 682/QĐ-SNN ngày 29/12/2016.

b. Hoạt động Tư vấn thiết kế và xây dựng cơ sở hạ tầng mô hình CSA: Đã hoàn thành.

c. Hoạt động triển khai thực hiện các mô hình CSA:

- Đối với 13 mô hình CSA ban đầu (06 MH lúa và 07 MH màu):

+ Các hoạt động hỗ trợ về nông nghiệp: Đã hoàn thành các công tác tập huấn đồng ruộng, hội nghị đầu bờ... đến vụ Đông - Xuân năm 2020. Hiện nay, đang đề xuất tiếp tục thực hiện vụ Hè - Thu năm 2020.

+ Các hoạt động xây lắp hạ tầng trong 13 mô hình: Đã hoàn thành

- Đối với bổ sung 02 mô hình CSA thâm canh cây hồ tiêu: Đã hoàn thành.

d. Hoạt động mua sắm trang thiết bị phục sản xuất trong các MH CSA:

Gói thầu cung cấp thiết bị cho 13 Mô hình CSA đang triển khai thực hiện bàn giao, chuyển giao công nghệ dự kiến ngày 30/8/2020 hoàn thành.

e. Kế hoạch nhân rộng tổng thể các mô hình CSA đã được phê duyệt: Đã

thực hiện 5.392 ha/5.392 ha, đạt 100%.

f. Hoạt động nhân rộng mô hình CSA (nhân rộng chính): Đã thực hiện 3.504 ha/3.504 ha, Đạt 100%.

g. Hoạt động nhân rộng đại trà các mô hình CSA: Đã thực hiện 1.888 ha /1.888 ha, Đạt 100%.

k. Kế hoạch công tác truyền thông: Thực hiện hoàn thành đạt 100%.

- Tuyên truyền trên các trang báo: 25 bài/25 bài, đạt 100%;

- Phóng sự tuyên truyền các mô hình CSA trên cây hồ tiêu, lúa, đậu xanh, rau và lạc ật độ dày trên đài phát thanh truyền hình Quảng Trị: Đã thực hiện 05 phóng sự/05 phóng sự, đạt 100%;

- Phim khoa học kỹ thuật phục vụ công tác truyền thông: 05 bộ/05 bộ, đạt 100%;

- Tuyên truyền thông qua các Tờ rơi: 30.000 tờ rơi/30.000 tờ rơi, đạt 100%;

- Tổ chức Hội thảo truyền thông cấp huyện: 05 cuộc/05 cuộc, đạt 100%.

h. Đào tạo, tập huấn:

- Hoạt động đào tạo, tập huấn tại đồng ruộng cho nông dân (FFS, IPM): Đã thực hiện 95 lớp/95 lớp, đạt 100%;

- Hoạt động đào tạo các lớp TOT: Đã tổ chức tập huấn 7 lớp/7 lớp, đạt 100%.

4. Hợp phần 4:

Ban CPO đã tuyển các tư vấn hỗ trợ chung cho quản lý thực hiện Dự án: Tư vấn Hỗ trợ kỹ thuật trong quản lý và thực hiện Dự án, Tư vấn Giám sát và đánh giá Dự án, Tư vấn Giám sát độc lập (Bên thứ 3), Tư vấn kiểm toán độc lập; Tổ chức hội thảo, đào tạo tăng cường nâng cao năng lực chung của Dự án. Các tư vấn hiện đang thực hiện các hoạt động theo tiến độ Dự án.

5. Tình hình giải ngân:

5.1. Tình hình giải ngân kế hoạch vốn qua các năm từ 2013 đến 2020:

DVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn được bố trí	Thực hiện giải ngân	Tỷ lệ % GN so với KH vốn
1	Năm 2013			
-	Vốn nước ngoài (WB)			
-	Vốn NS trung ương			
-	Vốn NS địa phương	80	80	100%
2	Năm 2014			
-	Vốn nước ngoài (WB)	212	212	100%
-	Vốn NS trung ương	8.300	8.300	100%
-	Vốn NS địa phương	1.000	1.000	100%
3	Năm 2015			
-	Vốn nước ngoài (WB)	43.003	43.003	100%
-	Vốn NS trung ương	13.200	13.200	100%
-	Vốn NS địa phương	9.000	8.324	92%

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn được bố trí	Thực hiện giải ngân	Tỷ lệ % GN so với KH vốn
4	Năm 2016			
-	Vốn nước ngoài (WB)	130.000	130.000	100%
-	Vốn NS trung ương	3.700	3.700	100%
-	Vốn NS địa phương	4.500	4.500	100%
5	Năm 2017			
-	Vốn nước ngoài (WB)	125.000	125.000	100%
-	Vốn NS trung ương	3.500	3.500	100%
-	Vốn NS địa phương	1.000	1.000	100%
6	Năm 2018			
-	Vốn nước ngoài (WB)	95.000	95.000	100%
-	Vốn NS trung ương	3.500	3.300	99%
-	Vốn NS địa phương	859	850	99%
7	Năm 2019			
-	Vốn nước ngoài (WB)	54.400	41.061	75%
-	Vốn NS trung ương	2.500	2.275	91%
-	Vốn NS địa phương	8.145	8.145	100%
8	Năm 2020			
-	Vốn nước ngoài (WB)	15.500	8.527	55%
-	Vốn NS trung ương	3.000	381	13%
-	Vốn NS địa phương			
	Cộng:	525.399	501.268	95%
-	<i>Vốn nước ngoài (WB)</i>	<i>463.115</i>	<i>442.804</i>	<i>95%</i>
-	<i>Vốn NS trung ương</i>	<i>37.700</i>	<i>34.656</i>	<i>92%</i>
-	<i>Vốn NS địa phương</i>	<i>24.584</i>	<i>23.808</i>	<i>97%</i>

5.2. Lũy kế giải ngân của dự án từ đầu dự án đến 31/7/2020 và kế hoạch giải ngân nguồn vốn từ 01/8/2020 đến 31/12/2020 (Giai đoạn 1).

DVT: Tỷ đồng

Nguồn vốn	Tổng nguồn vốn dự án	Tổng nguồn vốn đã bố trí	Lũy kế giá trị thực hiện từ đầu dự án đến 31/7/2020	Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến 31/7/2020	Dự kiến giá trị thực hiện và giải ngân từ 01/8/2020 đến 31/12/2020	Tỷ lệ % giải ngân so với tổng vốn dự án đã bố trí
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>	<i>(7)=(5)/(2)</i>
Vốn WB	548,460	463,115	442,134	442,804	13,256	95,61%
Vốn NS TW	74,890	37,700	34,657	34,657	3,346	91,93%
Vốn NS tỉnh	24,814	24,584	24,108	23,808	1,010	96,84%
Tổng cộng	648,166	525,399	500,899	501,269	17,612	95,41%

III. Nội dung đề nghị điều chỉnh Dự án đầu tư dự án thành phần:

1. Lý do điều chỉnh, bổ sung:

- Dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) tỉnh Quảng Trị đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Dự án đầu tư tại Quyết định 1155/QĐ-BNN-XD ngày 26/05/2014, trong quá trình thực hiện dự án, đã

có những nội dung điều chỉnh về quy mô, giải pháp kỹ thuật nhằm phù hợp với thực tế hiện trường. Do đó, cần cập nhật lại các nội dung Dự án phù hợp với các Quyết định điều chỉnh của Bộ và sở.

- Trên cơ sở những nội dung tại Thư chấp thuận danh mục các đề xuất vốn dự của Ngân hàng thế giới (WB) ngày 16/4/2020 và Chủ trương đầu tư được Bộ Nông nghiệp và PTNT đồng thuận tại Công văn số 2913/BNN-XD ngày 28/4/2020. Sau khi rà soát đánh giá lại hiện trạng hệ thống kênh mương của vùng dự án, hệ thống kênh mương La Ngà, Trúc Kinh – Hà Thượng đã được Dự án cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) tỉnh Quảng Trị nâng cấp, sửa chữa nhưng vẫn còn một số đoạn kênh trong tình trạng hư hỏng. Do đó, tận dụng nguồn kinh phí dự phòng còn lại của dự án để tiếp tục đầu tư nâng cấp sửa chữa các hạng mục công trình nói trên nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc cấp nước đồng bộ, công tác vận hành thuận tiện, tăng khả năng tải nước đáp ứng nhu cầu kịp thời, chống hạn cho vùng hưởng lợi, tạo cảnh quan môi trường và phát triển tổng hợp, bền vững.

Từ những nội dung cập nhật, điều chỉnh trên dẫn đến điều chỉnh cơ cấu chi phí các hợp phần của Dự án.

2. Nội dung, quy mô điều chỉnh các Hợp phần:

2.1. Hợp phần 1:

- Điều chỉnh Hệ thống SCADA (thuộc Hoạt động 5 của HP1), điều chỉnh quy mô đầu tư SCADA cho toàn hệ thống La Ngà, Trúc Kinh - Hà Thượng thành chỉ đầu tư SCADA cho các công trình đầu mối: Hồ La Ngà, hồ Hà Thượng, Hồ Trúc Kinh và đập dâng Sa Lung.

- Điều chỉnh đơn vị thực hiện các hạng mục: Cung cấp phần mềm và xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý tài sản, khách hàng cho IMCs; Xây dựng cơ sở dữ liệu CSDL trên nền GIS quản lý hệ thống tưới và lập bản đồ khu tưới từ PPMU thực hiện thành Ban CPO thực hiện.

2.2. Hợp phần 2:

2.2.1. Các nội dung cập nhật Dự án:

2.2.1.1. Hệ thống La Ngà:

Cập nhật theo các Quyết định phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh thiết kế BVTC, bao gồm: Quyết định số 1058/QĐ-BNN-XD ngày 01/4/2015 và số 2538/QĐ-BNN-XD ngày 29/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Quyết định số 143/QĐ-SNN ngày 21/4/2015 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Trị và các Quyết định điều chỉnh thiết kế trong quá trình thực hiện:

- *Cụm đầu mối:* Cập nhật điều chỉnh theo các Quyết định: số 143/QĐ-SNN ngày 21/4/2015, 86/QĐ-SNN ngày 17/3/2016, Báo cáo thẩm định số 112/BC-XD-TĐ ngày 08/02/2017, Quyết định số 102/QĐ-SNN ngày 03/4/2017, 233/QĐ-SNN ngày 23/5/2016, 309/QĐ-SNN ngày 22/6/2016, QĐ số 364/QĐ-SNN ngày 29/7/2016, 80/QĐ-SNN ngày 24/3/2017, 331/QĐ-SNN ngày 14/8/2017, 404a/QĐ-SNN ngày 06/10/2017, 600/QĐ-SNN ngày 19/12/2017, 615/QĐ-SNN ngày 27/12/2017, 494/QĐ-SNN ngày 17/12/2018, 495/QĐ-SNN ngày

17/12/2018.

+ Cập nhật điều chỉnh chiều dài đập chính từ 2.519m *thành* 2.548m và các thông số công trình: MNDBT, MNDGC, MNLKT, MNL cực hạn, cao trình đỉnh đập (đỉnh tường chắn sóng) từ +22,2m; +23,29m; +23,4m; 23,57m; +25,1m *thành* +22,5m; +23,58m; +23,68m; 23,85m; +25,4m (*Theo Báo cáo thẩm định số 112/BC-XD-TĐ ngày 08/02/2017*).

+ Cập nhật điều chỉnh cắt bỏ tuyến đường thi công ngoại tuyến, tổng chiều dài của đường thi công + quản lý từ 4,5km *thành* 2,12km.

- *Hệ thống kênh tưới*: Cập nhật điều chỉnh (theo Quyết định phê duyệt TKBVTC của Bộ: số 2538/QĐ-BNN-XD ngày 29/6/2015); chính xác hóa các thông số kỹ thuật (lưu lượng, mặt cắt kênh) và kết cấu kênh theo các QĐ phê duyệt thiết kế BVTC điều chỉnh của Sở.

+ Kênh cấp I: Tổng chiều dài nâng cấp sửa chữa từ 2.908m *thành* 6.243m.

+ Thay thế các Xi phong: *Từ* thay mới 05 xi phong thành 03 xi phong và 02 cầu máng trên kênh chính và kênh cấp I.

+ Kênh cấp II: *Từ* 3 tuyến kênh với tổng chiều dài nâng cấp sửa chữa 3.679m *thành* 04 tuyến kênh với tổng chiều dài nâng cấp sửa chữa 5.615m.

+ Kênh nội đồng và kênh vượt cấp: *Từ* 62 tuyến kênh nội đồng và 02 tuyến kênh vượt cấp với tổng chiều dài nâng cấp, sửa chữa 25.520m *thành* 73 tuyến kênh nội đồng và 03 tuyến kênh vượt cấp với tổng chiều dài nâng cấp sửa chữa 31.506m.

+ Cập nhật điều chuyển nội dung thực hiện hợp phần 2-2 sang nội dung thực hiện hợp phần 2-1: Xây dựng hệ thống kênh tưới nội đồng phục vụ tưới cho các mô hình lúa: thôn Lâm Cao, xã Vĩnh Lâm; thôn Thủy Ba Tây, xã Vĩnh Thủy; các mô hình màu: thôn Duy Viên, xã Vĩnh Lâm; thôn Nam Sơn, xã Vĩnh Sơn; thôn Đức Xá, xã Vĩnh Thủy gồm 03 tuyến kênh phục vụ mô hình tưới với tổng chiều dài 1.251 m.

- *Hệ thống kênh tiêu*: Cập nhật điều chỉnh *Từ* Nạo vét kênh tiêu Vĩnh Sơn, dài 2.974 m; kênh tiêu 304 dài 3.116 m; Nâng cấp, sửa chữa cống Bến Tám và đường thi công kết hợp quản lý dài 730 m *thành* Nạo vét kênh tiêu Vĩnh Sơn, dài 2.929 m; kênh tiêu 304 dài 2.625 m; Nâng cấp, sửa chữa cống Bến Tám và đường thi công kết hợp quản lý dài 1.096 m.

2.2.2.2. Hệ thống Trúc Kinh - Hà Thượng:

a. Hệ thống Trúc Kinh:

Cập nhật theo các Quyết định phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh thiết kế BVTC, bao gồm: Quyết định số 1245/QĐ-BNN-XD ngày 14/4/2015 và số 1924/QĐ-BNN-XD ngày 26/5/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và các Quyết định điều chỉnh thiết kế trong quá trình thực hiện:

- *Cụm đầu mối*: Điều chỉnh theo các Quyết định: số: 67/QĐ-SNN ngày 07/3/2016, 125/QĐ-SNN ngày 01/4/2016, 599/QĐ-SNN ngày 04/11/2016, 612/QĐ-SNN ngày 27/12/2017, 469/QĐ-SNN ngày 03/12/2018.

+ Điều chỉnh từ Nâng cấp đập chính dài 3.829 m; 04 đập phụ dài 1.949 m thành Nâng cấp đập chính dài 3.797 m; 04 đập phụ dài 1.527 m;

+ Điều chỉnh từ 03 tuyến đường quản lý, thi công dài 3.309 m; hệ thống điện quản lý vận hành đầu mối; nhà quản lý đầu mối và thiết bị đóng mở công lấy nước từ thủ công sang đóng mở bằng điện thành 05 tuyến đường quản lý, thi công dài 2.944 m; đầu tư mới hệ thống điện quản lý vận hành đầu mối; sửa chữa nhà quản lý đầu mối; nâng cấp, sửa chữa 01 công lấy nước dưới đập chính, điện khí hóa thiết bị đóng mở công lấy nước;

- *Hệ thống kênh tưới*: Cập nhật điều chỉnh (theo Quyết định phê duyệt TKBVTC của Bộ: số 1924/QĐ-BNN-XD ngày 26/5/2015) và chính xác hóa các thông số kỹ thuật (*lưu lượng, mặt cắt kênh*) và kết cấu kênh theo các Quyết định phê duyệt điều chỉnh thiết kế BVTC của Sở Nông nghiệp và PTNT

+ Kênh chính: Điều chỉnh chiều dài kênh chính nâng cấp sửa chữa từ 3.034m thành 3.969m; điều chỉnh một số đoạn kênh từ mặt cắt hình thang, BTCT đổ tại chỗ sang mặt cắt hình chữ nhật, BTCT đổ tại chỗ.

+ Kênh nhánh: Điều chỉnh từ 48 kênh nhánh (cấp 1, cấp 2, cấp 3 và vượt cấp) với tổng chiều dài 15.857 m thành 05 tuyến kênh cấp I với chiều dài 3.889m, 28 tuyến kênh cấp II với tổng chiều dài 9.967m, 13 tuyến kênh vượt cấp trên kênh chính với tổng chiều dài 4.207m; 12 tuyến kênh nội đồng với tổng chiều dài 4.963m; Nâng cấp 01 kênh Linh Hải bổ sung tưới cho hệ thống với chiều dài 3.109m.

+ Điều chuyển nội dung thực hiện hợp phần 2-2 sang nội dung thực hiện hợp phần 2-1: Xây dựng 03 kênh tưới nội đồng phục vụ tưới cho các mô hình lúa: thôn Vinh Quang Thượng, xã Gio Quang; thôn An Bình, xã Cam Thanh; các mô hình màu: thôn Phú Ngạn, xã Cam Thanh; Rau an toàn khu phú 3 phường Đông Thanh với tổng chiều dài 837m.

- *Hệ thống tiêu*: Điều chỉnh từ Nạo vét trục tiêu Hói Sòng dài 4.900 m thành Nạo vét, khơi thông dòng chảy kênh tiêu đoạn 1 (Kênh Bầu Quan) với chiều dài: 1.065m và nạo vét, khơi thông dòng chảy kênh tiêu đoạn 2 (kênh tiêu Hói Sòng) với tổng chiều dài là: 1.070m.

b. Hệ thống Hà Thượng:

Cập nhật điều chỉnh theo các Quyết định phê duyệt Thiết kế BVTC số 1245/QĐ-BNN-XD ngày 14/4/2015; Quyết định số 1924/QĐ-BNN-XD ngày 26/5/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; và các Quyết định điều chỉnh thiết kế trong quá trình thực hiện:

- Điều chỉnh từ Nâng cấp 38 kênh nhánh (cấp 1 và 2) với tổng chiều dài 14.938 m; sửa chữa, nâng cấp thành Nâng cấp 07 tuyến kênh cấp I với tổng chiều dài 4.247m, 33 tuyến kênh cấp II với tổng chiều dài 11.050m, 10 tuyến kênh trạm bơm với tổng chiều dài 5.823m.

- Điều chuyển nội dung thực hiện hợp phần 2-2 sang nội dung thực hiện hợp phần 2-1: Xây dựng 03 kênh tưới nội đồng phục vụ tưới cho các mô hình lúa thôn Phước Thị xã Gio Mỹ, thôn Nhĩ Trung xã Gio Thành; các mô hình

màu: Thôn Thủy Khê xã Gio Mỹ, thôn Nhĩ Hạ xã Gio Thành với tổng chiều dài 1.207m.

2.2.2. Các nội dung bổ sung:

2.2.2.1. Hệ thống tưới La Ngà:

*** Các hạng mục sử dụng vốn dư:**

- Kênh chính La Ngà: Nâng cấp sửa chữa kênh chính La Ngà đoạn K2+310 ÷ K2+717 và đoạn K2+880 ÷ K3+451,2; L = 978m, từ kênh đất, hình thang sang kênh mặt cắt chữ nhật, kết cấu BTCT M200 và các công trình trên kênh.

*** Các hạng mục sử dụng vốn chưa phân bổ:**

- Đầu mối: Bổ sung phạm vi xử lý thấm đập chính La Ngà từ K1+205 đến K1+265; L = 60m.

- Kênh cấp I: Nâng cấp, sửa chữa kênh N2 đoạn K0+00 đến K1+300, L = 1.300m, từ kênh tấm lát BT bị hư hỏng, xuống cấp, mặt cắt hình thang sang kênh mặt cắt chữ nhật, kết cấu BTCT M200 và sửa chữa các công trình trên kênh.

*** Các hạng mục sử dụng vốn dự phòng Ngân sách Trung ương:**

- Kênh cấp I: Nâng cấp, sửa chữa kênh N1 đoạn K3+065 đến K4+405, L = 1.340m, từ kênh tấm lát BT bị hư hỏng, xuống cấp, mặt cắt hình thang sang kênh mặt cắt chữ nhật, kết cấu BTCT M200 và sửa chữa các công trình trên kênh.

2.2.2.1. Hệ thống tưới Trúc Kinh:

*** Các hạng mục sử dụng vốn dư:**

- Kênh chính Trúc Kinh: Nâng cấp sửa chữa kênh chính Trúc Kinh đoạn K0+350 đến K1+020; K6+966 đến K8+819; K10+911,5 đến K11+469 với tổng chiều dài L = 2.507m, từ kênh tấm lát BT bị hư hỏng, xuống cấp, mặt cắt hình thang sang kênh mặt cắt chữ nhật, kết cấu BTCT M200 và sửa chữa các công trình trên kênh.

- Kênh cấp 1 và kênh vượt cấp: Nâng cấp sửa chữa kênh N8 với chiều dài 438m, kênh N0-5 với chiều dài 765m từ kênh xây gạch Bê tông đã xuống cấp, mặt cắt chữ nhật thành kênh Bê tông, BTCT M200 đổ tại chỗ, mặt cắt chữ nhật, sửa chữa các công trình trên kênh.

*** Các hạng mục sử dụng vốn chưa phân bổ:**

- Kênh chính Trúc Kinh: Nâng cấp sửa chữa kênh chính Trúc Kinh đoạn K2+187 đến K3+097; K4+566 đến K6+966 với tổng chiều dài L = 4.310 m, từ kênh tấm lát BT bị hư hỏng, xuống cấp, mặt cắt hình thang sang kênh mặt cắt chữ nhật, kết cấu BTCT M200 và sửa chữa các công trình trên kênh.

- Kênh cấp 1: Nâng cấp, sửa chữa kênh N4 với chiều dài 804m, từ kênh tấm lát hư hỏng, xuống cấp, mặt cắt hình thang thành kênh BTCT M200 đổ tại chỗ, mặt cắt chữ nhật, sửa chữa các công trình trên kênh.

*** Các hạng mục sử dụng vốn dự phòng Ngân sách Trung ương:**

- Kênh cấp 1:

+ Nâng cấp, sửa chữa kênh N2 với chiều dài 2.098m từ kênh tấm lát hư hỏng, xuống cấp, mặt cắt hình thang thành kênh BTCT M200 đổ tại chỗ, mặt cắt chữ nhật, sửa chữa các công trình trên kênh.

+ Nâng cấp, sửa chữa kênh N6 với chiều dài 1.434m từ kênh xây gạch Bê tông đã xuống cấp, mặt cắt chữ nhật thành kênh BTCT M200 đổ tại chỗ, mặt cắt chữ nhật, sửa chữa các công trình trên kênh.

(Xem chi tiết điều chỉnh tại Bảng thông số kỹ thuật kèm theo)

2.3. Hợp phần 3: Điều chỉnh chi phí các hạng mục do Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Trị làm Chủ đầu tư quản lý, thực hiện theo thực tế triển khai các nội dung công việc.

2.4. Hợp phần 4:

- Điều chỉnh cơ cấu chi phí hạng mục do Ban CPO làm Chủ đầu tư quản lý thực hiện gồm: Chi phí các tư vấn hỗ trợ quản lý thực hiện dự án và M&E; Chi phí đào tạo tăng cường năng lực chung của Dự án; Chi phí gia tăng hỗ trợ quản lý thực hiện Dự án; Chi phí dự phòng.

3. Điều chỉnh diện tích sử dụng đất của dự án:

- Diện tích sử dụng đất đã duyệt: 62,64 ha (theo Quyết định phê duyệt kế hoạch hành động tái định cư RAP số 2136/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của UBND tỉnh Quảng Trị).

- Diện tích sử dụng đất sau điều chỉnh: 78,97 ha (tại các Quyết định: số 60/QĐ-UBND ngày 25/01/2016, số 2895/QĐ-UBND ngày 30/9/2015, số 1143/QĐ-UBND ngày 19/5/2016, số 3952/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND huyện Vĩnh Linh; Quyết định số: 2202/QĐ-UBND ngày 22/9/2015, số 3063/QĐ-UBND ngày 23/12/2015, số 4313/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND huyện Cam Lộ; Quyết định số 6139/QĐ-UBND ngày 27/11/2015, số 2726/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND huyện Gio Linh; Quyết định số 3487/QĐ-UBND ngày 29/11/2016, số 1414/QĐ-UBND ngày 19/6/2018, số 2670/QĐ-UBND ngày 15/11/2018 của UBND thành phố Đông Hà).

(Chi tiết xem tại Báo cáo điều chỉnh dự án đầu tư kèm theo)

4. Tổng mức đầu tư dự án đề nghị điều chỉnh:

4.1. Hợp Phần 1: Điều chỉnh chi phí các hạng mục do Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Trị và Ban CPO làm Chủ đầu tư quản lý, thực hiện và chi phí dự phòng của Hợp phần:

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Khoản mục chi phí	Theo QĐ số 1155/QĐ-BNN-XD ngày 26/5/2014	Sau khi điều chỉnh	Chênh lệch
A.1	Chi phí các hạng mục do Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Trị làm Chủ đầu tư quản lý thực hiện	28.168.320	12.714.816	-15.453.504

STT	Khoản mục chi phí	Theo QĐ số 1155/QĐ-BNN-XD ngày 26/5/2014	Sau khi điều chỉnh	Chênh lệch
1	Dịch vụ tư vấn	1.051.983	1.167.222	115.239
2	Hàng hóa/Thiết bị	25.618.544	10.134.069	-15.484.475
3	Quản lý/ Chi khác	1.497.794	1.413.525	-84.269
A.2	Phân bổ chi phí các hoạt động do Ban CPO làm Chủ đầu tư quản lý thực hiện (Tư vấn, đào tạo, quản lý/chi khác)	5.269.957	5.021.015	-248.942
A.3	Dự phòng	6.360.722	0	-6.360.722
TỔNG CỘNG		39.798.999	17.735.832	-22.063.167

4.2. Hợp Phần 2: Điều chỉnh, bổ sung chi phí cho các hạng mục đầu tư cơ sở hạ tầng hệ thống tưới.

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Khoản mục chi phí	Theo QĐ số 1155/QĐ-BNN-XD ngày 26/5/2014	Sau khi điều chỉnh	Chênh lệch
B.1	<i>B1: Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Quảng Trị</i>	<i>510.804.000</i>	<i>549.821.262</i>	<i>39.017.262</i>
I	Chi phí xây dựng	369.795.842	471.325.995	101.530.153
II	Chi phí thiết bị	3.191.911	0	-3.191.911
III	Chi phí quản lý dự án	4.633.440	6.184.603	1.551.163
IV	Chi phí tư vấn đầu tư	32.528.686	41.041.627	8.512.942
V	Chi phí khác	9.475.968	7.559.782	-1.916.186
VI	Chi phí đền bù hỗ trợ và tái định cư	7.658.964	15.503.603	7.844.639
VII	Chi phí dự phòng	83.519.191	8.205.653	-75.313.538
B.2	<i>B2: Hệ thống thủy lợi nội đồng phục vụ các mô hình nông nghiệp thông minh</i>	<i>4.850.000</i>	<i>0</i>	<i>-4.850.000</i>
TỔNG CỘNG		515.654.000	549.821.262	34.167.262

4.3. Hợp Phần 3: Điều chỉnh chi phí các hạng mục do Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Trị, CPO làm Chủ đầu tư quản lý thực hiện gồm: Xây lắp; Vật tư/ thiết bị; Đào tạo/ hội thảo; Chi hỗ trợ gia tăng; Quản lý/ chi khác.

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Khoản mục chi phí	Theo QĐ số 1155/QĐ- BNN-XD ngày 26/5/2014	Sau khi điều chỉnh	Chênh lệch
C.1	Chi phí các hạng mục do Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Trị làm Chủ đầu tư quản lý thực hiện	68.786.000	56.272.180	-12.513.820
1	Tư vấn	5.338.300	5.217.480	-120.820
2	Xây lắp	19.412.000	20.096.879	684.879
3	Vật tư/thiết bị/đào tạo, hội thảo/chi hỗ trợ gia tăng	44.035.700	30.957.821	-13.077.879
4	Chi phí quản lý	886.200	885.514	-686
C.2	Phân bổ chi phí các hoạt động do Ban CPO làm Chủ đầu tư quản lý thực hiện	1.941.200	2.256.278	315.078
TỔNG CỘNG		71.613.400	59.413.972	-12.199.428

4.4. Hợp phần 4: Điều chỉnh chi phí các hạng mục do CPO làm Chủ đầu tư quản lý, thực hiện.

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Khoản mục chi phí	Theo QĐ số 1155/QĐ-BNN-XD ngày 26/5/2014	Sau khi điều chỉnh	Chênh lệch
D.1	Phân bổ các chi phí các tư vấn hỗ trợ quản lý chung thực hiện dự án và M&E do Ban CPO quản lý thực hiện (Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật quản lý chung thực hiện dự án (TA); tư vấn giám sát bên thứ ba, kiểm toán độc lập; tư vấn hỗ trợ kiểm toán giai đoạn 1; phần mềm quản lý tài chính)	12.057.143	16.677.020	4.619.877
D.2	Phân bổ chi phí đào tạo tăng cường năng lực chung dự án do Ban CPO quản lý thực hiện	6.631.429	1.883.464	-4.747.965
D.3	Chi phí gia tăng hỗ trợ quản lý thực hiện dự án	2.411.435	1.514.656	-896.778
D.4	Chi phí dự phòng Hợp phần 4	0	1.120.026	0
TỔNG CỘNG		21.100.006	21.195.167	95.160

4.5. Tổng mức đầu tư đề nghị điều chỉnh: 648.166.000 đồng.*Đơn vị: 1.000 đồng*

TT	Khoản mục chi phí	Theo QĐ số 1155/QĐ-BNN-XD ngày 26/5/2014	Sau khi điều chỉnh	Chênh lệch
1	Hợp phần 1	39.798.999	17.735.832	-22.063.167
2	Hợp phần 2	515.654.000	549.821.262	34.167.262
3	Hợp phần 3	71.613.400	59.413.972	-12.199.428
4	Hợp phần 4	21.100.006	21.195.167	95.160
	Tổng cộng	648.166.000	648.166.000	0

4.6. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư đề nghị điều chỉnh:*Đơn vị: 1.000 đồng*

TT	Nguồn vốn	Theo QĐ số 1155/QĐ-BNN-XD ngày 26/5/2014	Sau khi điều chỉnh	Chênh lệch
1	Vốn WB	548.464.000	548.464.000	0
2	Đối ứng TW	74.888.000	74.888.000	0
3	Đối ứng ĐP	24.814.000	24.814.000	0
4	Tổng cộng	648.166.000	648.166.000	0

*(Xem chi tiết Phụ lục kèm theo)***IV. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:****1. Điều chỉnh:**

Điều chỉnh giá gói thầu và thời gian tổ chức LCNT của 04 gói thầu sau:

1.1. Hợp phần 1:

(1) Gói thầu QT/HP1/TB05/PMU/2019: Hệ thống SCADA.

- Đã được phê duyệt tại Quyết định số 662/QĐ-BNN-XD ngày 27/02/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Cập nhật lại thời gian LCNT và thời gian thực hiện Hợp đồng cho phù hợp.

1.2. Hợp phần 2:**1.2.1. Dịch vụ tư vấn:**

(2) Gói thầu QT/HP2/CS16/PMU/2019: Tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt hệ thống SCADA.

- Đã được phê duyệt tại Quyết định số 662/QĐ-BNN-XD ngày 27/02/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Cập nhật lại thời gian LCNT và thời gian thực hiện Hợp đồng cho phù hợp.

(3) Gói thầu QT/HP2/CS23/PMU/2020: Tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC và dự toán các hạng mục bổ sung.

- Đã được phê duyệt tại Quyết định số 2112/QĐ-BNN-XD ngày 10/6/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Cập nhật lại giá gói thầu cho phù hợp.

1.2.2. Xây lắp:

(4) Gói thầu QT/LN/W02/2015: Khoan phụt xử lý chống thấm đập chính, đập phụ 1 công trình đầu mối, hệ thống La Ngà.

- Đã được phê duyệt tại Quyết định số 622/QĐ-BNN-XD ngày 25/02/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Cập nhật lại giá gói thầu và bổ sung thời gian thực hiện hợp đồng cho phù hợp.

2. Bổ sung:

Bổ sung các gói thầu tư vấn, phi tư vấn và các gói thầu xây lắp dùng vốn kết dư HP2, bao gồm 15 gói thầu sau:

2.1 Dịch vụ tư vấn:

(1) Gói thầu QT/HP2/CS28/PMU/2020: Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình các hạng mục bổ sung (Sử dụng vốn dư WB).

(2) Gói thầu QT/HP2/CS29/PMU/2020: Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình các hạng mục bổ sung (Sử dụng vốn WB chưa phân bổ).

(3) Gói thầu QT/HP2/CS30/PMU/2020: Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình các hạng mục bổ sung (Sử dụng vốn NSTW).

(4) Gói thầu QT/HP2/CS31/PMU/2020: Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu Tư vấn giám sát.

(5) Gói thầu QT/HP2/CS32/PMU/2020: Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu xây lắp.

(6) Gói thầu QT/HP2/CS33/PMU/2020: Tư vấn giám sát môi trường cho các hạng mục vốn dư.

2.2. Phi tư vấn:

(7) Gói thầu QT/HP2/CS34/PMU/2020: Bảo hiểm xây dựng công trình.

2.3 Xây lắp:

2.3.1. Các gói thầu sử dụng vốn dư WB.

(8) Gói thầu QT/LN/W14/2020: Nâng cấp kênh chính La Ngà đoạn K2+520 đến K2+717 và đoạn K2+880 đến K3 + 451 (không bao gồm chi phí bảo hiểm công trình).

(9) Gói thầu QT/TK/W06/2020: Nâng cấp kênh chính Trúc Kinh: Từ K0+350 đến K1+020; Kênh vượt cấp Kênh N0-5 đoạn K0 đến K0+516 (không bao gồm chi phí bảo hiểm công trình).

(10) Gói thầu QT/TK/W07/2020: Nâng cấp kênh chính Trúc Kinh từ K6+966 đến K8+819, K10+911 đến K11+469; Kênh N8 đoạn K0 đến K0+438; (không bao gồm bảo hiểm công trình).

2.3.2. Các gói thầu sử dụng vốn WB chưa phân bổ.

(11) Gói thầu QT/LN/W15/2020: Nâng cấp kênh N2 hệ thống La Ngà đoạn K0+00 đến K1+300 (không bao gồm bảo hiểm công trình).

(12) Gói thầu QT/TK/W08/2020: Nâng cấp kênh chính Trúc Kinh đoạn từ K2+187 đến K3+097; kênh N4 Trúc Kinh đoạn từ K1+773 đến K2+577 (không bao gồm bảo hiểm công trình).

(13) Gói thầu QT/TK/W09/2020: Nâng cấp kênh chính Trúc kinh đoạn từ K4+566 đến K6+966 (không bao gồm bảo hiểm công trình).

2.3.3. Các gói thầu sử dụng vốn Ngân sách Trung ương.

(14) Gói thầu QT/LN/NS01/2020: Nâng cấp kênh N1 La Ngà đoạn từ K3+065 đến K4+405 (không bao gồm chi phí bảo hiểm công trình).

(15) Gói thầu QT/TK/NS01/2020: Nâng cấp kênh N2 Trúc Kinh đoạn từ K0+329 đến K2+426; kênh N6 Trúc Kinh đoạn từ K0+00 đến K1+434 (không bao gồm chi phí bảo hiểm công trình).

3. Giải trình nội dung KHLCNT:

a) Tên gói thầu và cơ sở phân chia gói thầu:

- Tên gói thầu: Tên các gói thầu được lấy từ hạng mục công trình thể hiện khái quát tính chất, nội dung và phạm vi công việc của gói thầu, phù hợp với nội dung công việc nêu trong dự án.

- Cơ sở phân chia gói thầu: Việc phân chia các gói thầu căn cứ vào tính chất, giải pháp kỹ thuật (tương đồng về mặt kỹ thuật), thời gian triển khai, cơ cấu nguồn vốn và phạm vi địa bàn xây dựng của các công trình.

b) Giá gói thầu: Theo Phụ lục đính kèm.

c) Nguồn vốn: Vốn vay WB và vốn đối ứng trung ương.

d) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu; Thời gian lựa chọn nhà thầu; Hình thức hợp đồng; Thời gian thực hiện hợp đồng ghi trong các Phụ lục kèm theo. Các gói thầu sử dụng vốn WB tuân theo quy định đấu thầu của WB, các gói thầu sử dụng vốn Ngân sách Trung ương tuân thủ quy định đấu thầu trong nước.

(Chi tiết điều chỉnh, bổ sung KHLCNT xem phụ lục 01, 02, 03, 04, 05 kèm theo)

V. Nguyên nhân, lý do điều chỉnh, bổ sung:

- Thực hiện các hạng mục bổ sung vốn dự hợp phần 2 của Dự án thành phần WB7 tỉnh Quảng Trị (theo chủ trương đã được Chính phủ, WB đồng thuận và Bộ chỉ đạo triển khai thực hiện tại các văn bản pháp lý nêu trên).

- Cập nhật, điều chỉnh lại các hạng mục, chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà thầu để phù hợp với thực tế triển khai thực hiện của dự án.

VI. Danh mục hồ sơ gửi kèm:

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định số 1155/QĐ-BNN-XD ngày 26/05/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt dự án đầu tư Dự án thành phần cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) tỉnh Quảng Trị;

- Công văn số 2913/BNN-XD ngày 28/4/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về chủ trương sử dụng vốn dự;

- Văn bản số 1954/UBND-NN ngày 05/5/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc thực hiện các hạng mục vốn dự dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) Quảng Trị;

- Công văn số 843/CPO-WB7 ngày 28/7/2020 của Ban quản lý Trung ương các dự án thủy lợi (Ban CPO) về việc thông báo chi phí cho các hoạt động Ban CPO làm chủ đầu tư, Dự án WB7;

- Công văn số 863/CPO-WB7 ngày 31/7/2020 của Ban quản lý Trung ương các dự án thủy lợi (Ban CPO) kèm theo hướng dẫn tại công văn số 1060/XD-TĐ

ngày 29/7/2020 của Cục Quản lý xây dựng công trình - Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các hạng mục sử dụng vốn dự, Dự án WB7;

- Báo cáo điều chỉnh dự án đầu tư Dự án thành phần: Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) tỉnh Quảng Trị;

- Báo cáo giám sát, đánh giá điều chỉnh dự án đầu tư dự án thành phần số 262/BC-SNN ngày /21/8/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Trị;

- Báo cáo thẩm định nội bộ điều chỉnh chủ trương đầu tư và nguồn vốn: số 263/BC-SNN ngày 21/8/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Trị;

- Báo cáo tổng hợp hồ sơ trình thẩm định: số 265/BC-SNN ngày 21/8/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế và dự toán:

2.1. Tài liệu khảo sát:

- Quyết định phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, thiết kế.
- Quyết định phê duyệt phương án khảo sát xây dựng.
- Nhật ký khảo sát địa hình, địa chất.
- Báo cáo kết quả khảo sát địa hình, địa chất.
- Biên bản nghiệm thu khảo sát.

2.2. Tài liệu thiết kế:

- Báo cáo chính (báo cáo dự án đầu tư điều chỉnh).
- Thuyết minh thiết kế cơ sở.
- Báo cáo chuyên ngành (Phụ lục tính toán).
- Báo cáo so sánh phương án thiết kế.
- Dự toán xây dựng công trình.
- Tổng mức đầu tư điều chỉnh.

3. Hồ sơ năng lực của nhà thầu:

- Hợp đồng tư vấn gói thầu số Gói thầu QT/HP2/CS21/PPMU/2020: Tư vấn điều chỉnh, bổ sung FS; Khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán các hạng mục sử dụng vốn dự HP2.

- Tập hồ sơ năng lực nhà thầu và năng lực cán bộ chủ chốt.

4. Các bảng phụ lục kèm theo Tờ trình;

- + *Phụ lục I: Bảng 01. Tổng hợp điều chỉnh các khối lượng chính;*
- + *Phụ lục I: Bảng 02. Bảng tổng hợp TMĐT điều chỉnh;*
- + *Phụ lục I: Bảng 03. Phân tích tăng/giảm TMĐT;*
- + *Phụ lục II. Báo cáo tóm tắt nội dung điều chỉnh Hợp phần 1 và Hợp phần 3.*
- + *Phụ lục III: Các phụ lục 01, 02, 03, 04, 05: Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu.*
- + *Phụ lục IV: Bảng tổng hợp các thông số kỹ thuật công trình.*

VII. Kiến nghị:

Sở Nông nghiệp và PTNT kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT xem xét thẩm định, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án thành phần cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) tỉnh Quảng Trị thuộc dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ (WB7) với các nội dung như trên để Chủ đầu tư có cơ sở triển khai các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Cục QLXDCT;
- Cục Trồng Trọt;
- Tổng cục Thủy lợi;
- Vụ Kế hoạch;
- Ban CPO;
- Ban QDLA WB7;
- Lưu: VT, KHTC, QLCT;

GIÁM ĐỐC**Hồ Xuân Hòa**